|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH HÒA BÌNH  **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  Số: ……../TTr-SGDDT  **DỰ THẢO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hòa Bình, ngày…. tháng …….năm 2025* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Quyết định Quy định khoảng cách, địa bàn cách trở, giao thông đi lại khó khăn; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân tỉnh Hoà Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ [Luật ban hành văn bản quy phạm pháp](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-ban-hanh-van-ban-quy-pham-phap-luat-2015-282382.aspx)luật ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 ;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Sở Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy định khoảng cách, địa bàn cách trở, giao thông đi lại khó khăn; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Hòa Bình,như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Đề xuất khoảng cách, địa bàn xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày, là điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.**

1.1. Cơ sở pháp lý

- Tại điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP quy định:

“*b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*

*…….*

*Ban hành văn bản để quy định*:

*Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 của Nghị định này và điều kiện thực tế của địa phương để quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh*, *học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày, trong đó quy định khoảng cách*, *địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển*, *hồ*, *sông*, *suối*, *qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất,* đá *để xác định học sinh*, *học viên được hưởng chính sách hỗ trợ;*

- Tại Điều 15 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP quy định:

*“1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2025 và thay thế Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 về quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn và Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc*.

*2. Các chính sách quy định tại Nghị định số 116/2016*/*NĐ-CP và Thông tư liên tịch* số 109*/*2009*/TTLT/BTC-BGDĐT được thực hiện đến hết năm* 2024. *Chính sách quy định tại Nghị định này được thực hiện từ năm 2025.”*

Theo quy định trên, để học sinh đủ điều kiện hưởng chính sách và được trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm khi Nghị định số 66/2025/NĐ-CP khi có hiệu lực (từ ngày 01/5/2025), cần phải ban hành Quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh (Quyết định của UBND tỉnh) quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú tại cơ sở giáo dục phổ thông thuộc tỉnh Hòa Bình quản lý.

1.2. Cơ sở thực tiễn

Từ ngày 01/01/2025 đến trước thời điểm Nghị định số 66/2025/NĐ-CP có hiệu lực, căn cứ để các các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Hòa Bình xác định học sinh được phép ở lại trường do không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày đối với các trường ở xã, thôn đặc biệt khó khăn đang thực hiện theo Nghị quyết số 82/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Hòa Bình Quy định về khoảng cách (km) và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán hỗ trợ kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh tại các trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng hưởng chính sách ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. ; Quyết định 1344/QĐ-UBND ngày 05/06/2018 (QĐ 1344/QĐ-UBND) Quyết định Quy định khoảng cách (km) và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh tiểu học và trung học phổ cơ sở không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày ở các xã, thôn vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Quyết định 2000/QĐ-UBND ngày 28/08/2018 (QĐ 2000/QĐ-UBND) Quy định bổ sung các thôn, xóm có địa bàn cách trở, giao thông đi lại khó khăn: Phải qua sông, qua suối không có cầu; qua đèo, núi cao, dường không đi được bằng xe đạp; qua vùng sạt lở đất đá và khoảng cách (km) mà học sinh không thể đến trường và trở về trong ngày của huyện Lạc Sơn và huyện Đà Bắc (Có quy định thôn, xóm và khoảng cách km kèm theo); Quyết định 120/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 (QĐ 120/QĐ-UBND): Quyết định Quy định khoảng cách (km) và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh trung học phổ thông không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày ở các xã, thôn vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Như vậy, sau khi Nghị định số 66/2025/NĐ-CP có hiệu lực (từ ngày 01/5/2025) UBND tỉnh sẽ phải ban hành văn bản quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày để học sinh được hưởng chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP. Quy định này cũng sẽ được áp dụng từ ngày 01/01/2025, đồng thời bãi bỏ các Quy định số Quyết định 1344/QĐ-UBND ngày 05/06/2018; Quyết định 2000/QĐ-UBND ngày 28/08/2018 và Quyết định 120/QĐ-UBND ngày 18/01/2018.

Vì Uỷ ban nhân dân cấp xã là đơn vị nắm rõ về địa giới hành chính, quản lý nhân khẩu trên địa bàn, nên để thuận tiện nhất cho việc xác nhận đối tượng học sinh được hưởng chế độ chính sách quy định Nghị định số 66/2025/NĐ-CP UBND thì UBND cấp xã là đơn vị xác nhận về khu vực, địa bàn mà học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày do địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, vùng sạt lở, đất, đá.

Do đó Sở Giáo dục và Đào tạo dự kiến khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày như sau:

1.2.1. Khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày :

a) Khoảng cách xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày đối với học sinh tiểu học từ 04 km trở lên; học sinh, học viên trung học cơ sở từ 07 km trở lên; học sinh, học viên trung học phổ thông từ 10 km trở lên.

b) Trường hợp đặc biệt khoảng cách nhỏ hơn quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này thì căn cứ xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã về khu vực, địa bàn mà học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày do địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, vùng sạt lở, đất, đá.

1.2.2. Địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày là các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

1.2.3. Các xã, thôn đặc biệt khó khăn,xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện theo quy định hiện hành và các văn bản bổ sung, sửa đổi (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

**2. Về đề xuất danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú tại các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý**

2.1 Cơ sở pháp lý

- Tại điểm c khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP quy định:

“*c) Trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm*

*Học sinh dân tộc nội trú ở mỗi cấp học và học sinh dự bị đại học được cấp một lần bằng hiện vật: Chăn*, *màn và các đồ dùng cá nhân khác với mức kinh phí là 1.080.000 đồng/học sinh;*

*Mỗi năm học, học sinh được cấp 02 bộ quần áo đồng phục và học phẩm gồm: Vở, giấy, bút và các dụng cụ học* tập *khác với mức kinh phí là 1.080.000 đồng/học sinh; ”*

- Tại điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP quy định:

“b*) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*

*….*

*Ban hành văn bản để quy định:*

*Căn cứ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 của Nghị định này để quy định cụ thể danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp* có *thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú phù hợp đặc thù của mỗi vùng, miền*, *từng cấp học và chương trình giáo dục phổ thông hiện hành;*

Tại Điều 15 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP quy định:

*“1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2025 và thay thế Nghị định* số *116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 về quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn và Thông* tư *liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC*-*BGDĐT ngày 29 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài* chính *và Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn một số chế độ tài chính đổi với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc*.

*2. Các chính sách quy định tại Nghị định số 116/2016*/*NĐ-CP và Thông tư liên* tịch số 109*/2009/TTLT/BTC-BGDĐT được thực hiện đến hết năm 2024*. *Chính sách quy định tại Nghị định này được thực hiện từ năm 2025.*”

Theo quy định trên, UBND tỉnh quy định cụ thể danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú phù hợp đặc thù của mỗi vùng, miền, từng cấp học và chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2.2 Cơ sở thực tiễn

- Năm học 2024-2025, học sinh dân tộc nội trú đã được trang cấp bằng hiện vật 01 lần một số đồ dùng cá nhân (đối với học sinh đầu cấp khi nhập trường) và được cấp bằng hiện vật học phẩm theo tiêu chuẩn từng bậc học theo quy định tại Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc. Khi Nghị định số 66/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (từ ngày 01/05/2025) cũng là thời điểm chuẩn bị kết thúc năm học 2024-2025.

- Để triển khai thực hiện chính sách đối với học sinh dân tộc nội trú được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP từ năm học 2025-2026, Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú như sau:

+ Chăn màn và đồ dùng cá nhân được cấp một lần ở mỗi cấp học theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định 66/2025/NĐ-CP như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | | | |
| **Stt** | **Tên hiện vật** | **Đơn vị tính** | **Số lượng được cấp phát theo cấp học** | |
| **Trung học cơ sở** | **Trung học phổ thông** |
| 1 | Chăn (đông và hè) cá nhân | Chiếc | 2 | 2 |
| 2 | Màn cá nhân | Chiếc | 1 | 1 |
| 3 | Chiếu cá nhân | Chiếc | 1 | 1 |
| 4 | Gối | Chiếc | 1 | 1 |
| 5 | Ô che nắng, mưa | Chiếc | 1 | 1 |
| 6 | Xô nhựa | Chiếc | 1 | 1 |
| 7 | Chậu nhựa | Chiếc | 1 | 1 |

+ Quần, áo đồng phục và học phẩm cấp cho mỗi năm học theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định 66/2025/NĐ-CP như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |
| **Stt** | **Tên học phẩm** | **Đơn vị tính** | **Số lượng được cấp phát theo cấp học** | |
| **Trung học cơ sở** | **Trung học phổ thông** |
| 1 | Vở viết (hoặc vở thếp đóng sẵn) | Quyển | 30 | 40 |
| 2 | Ba lô (hoặc cặp) học sinh | Cái | 1 | 1 |
| 3 | Bút bi | Cái | 20 | 24 |
| 4 | Bút chì đen | Cái | 2 | 3 |
| 5 | Hộp chì màu | Hộp | 1 |  |
| 6 | Tẩy | Cái | 1 | 1 |
| 7 | Bộ com pa, thước đo độ | Bộ | 1 | 1 |
| 8 | Dao con hoặc kéo | Cái | 1 |  |
| 9 | Hồ dán | Lọ | 2 |  |
| 10 | Giấy mầu thủ công | Tờ | 15 |  |
| 11 | Bìa bọc đóng vở học sinh | Tờ | 12 |  |
| 12 | Thước kẻ | Cái | 1 | 1 |
| 13 | Quần, áo dài tay (đồng phục hoặc áo khoác) | bộ | 2 | 2 |

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục đích**:

Ban hành quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú tại cơ sở giáo dục phổ thông thuộc tỉnh Hòa Bình quản lý.

**2. Quan điểm xây dựng**:

2.1 - Tại điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP quy định:

“*b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*

*…………*

*Ban hành văn bản để quy định:*

*Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều* 4 *của Nghị định này và điều kiện thực tế của địa phương để quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh*, *học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày, trong đó quy định khoảng cách*, *địa bàn có địa hình cách trở*, *giao thông đi lại khó khăn phải qua biển*, *hồ*, *sông, suối, qua đèo*, *núi cao*, *qua vùng sạt lở đất*, đá để *xác định học sinh, học viên được hưởng chính sách hỗ trợ”*

2.2 - Tại điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP quy định:

“*b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*

*…………*

*Ban hành văn bản để quy định:*

*Căn cứ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 của Nghị định này để quy định thể danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú phù hợp đặc thù của mỗi vùng, miền*, *từng cấp học và chương trình giáo dục phổ thông hiện hành;*

UBND tỉnh quy định cụ thể danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú phù hợp đặc thù của mỗi vùng, miền, từng cấp học và chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 và nhằm đảm bảo tính ổn định, thống nhất, thuận tiện trong việc tổ chức thực hiện chính sách khi Nghị định số 66/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH**

Căn Nghị định của Chính phủ số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách; thực hiện Công văn số Công văn số 2418/VPUBND-NVK ngày 17/03/2025 về việc thực hiện Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách.

Trong quá trình soạn thảo, dự thảo Quyết định đã được các sở, ban, ngành, các cơ sở giáo dục cho ý kiến góp ý; Sở Tư pháp thẩm định theo quy định. Các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh đã tham gia ý kiến và thống nhất với các nội dung cơ bản để xây dựng dự thảo Quyết định.

Căn cứ các ý kiến góp ý, cơ quan soạn thảo đã tiếp thuhoàn chỉnh dự thảo Quyết định.

**IV**. **BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH**

**1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định khoảng cách, địa bàn đối với học sinh, học viên được quy định tại khoản 2, 3 Điều 4 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú tại cơ sở giáo dục phổ thông thuộc tỉnh Hoà Bình quản lý.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng học sinh, học viên bao gồm:

a) Học sinh bán trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông;

b) Học viên bán trú học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông;

c) Học sinh dân tộc nội trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú.

**2. Bố cục của dự thảo Quyết định**

Ngoài phần căn cứ, dự thảo Quyết định gồm 5 Điều như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày.

Điều 3. Quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường PTDT nội trú

Điều 4.Hiệu lực thi hành

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

**3. Nội dung cơ bản**

*(Có Dự thảo Quyết định kèm theo)*

Nội dung tham mưu đầy đủ cơ sở pháp lý theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục**,** đúng thẩm quyền và đủ điều kiện để ban hành theo quy định của pháp luật. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm trước Uỷ ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về nội dung tham mưu.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Quy định khoảng cách, địa bàn cách trở, giao thông đi lại khó khăn; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, Sở Giáo dục và Đào tạo kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lãnh đạo Sở GDĐT;  - Luru: VT, KHTC. | **GIÁM ĐỐC**  **Nguyễn Ngọc Điệp** |